

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Quý IV năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	5 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		934.211.935.914	630.163.592.184
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	27.998.841.626	20.849.462.837
1. Tiền	111		27.998.841.626	20.849.462.837
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		650.513.155.586	403.255.623.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	292.979.193.849	162.105.923.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	116.567.994.696	100.312.821.779
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	240.873.268.902	144.268.215.524
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.570.151.900)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	92.698.139	138.814.951
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	242.226.161.679	188.635.431.873
1. Hàng tồn kho	141		242.226.161.679	188.635.431.873
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		13.473.777.023	17.423.073.642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	1.961.323.291	6.226.542.269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	11.512.453.732	11.196.531.373
B. Tài sản dài hạn	200		1.251.036.549.850	842.941.722.563
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		94.859.903.073	93.785.053.073
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	16.200.000.000	16.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	78.659.903.073	77.585.053.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		101.688.867.609	101.348.787.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16.566.699.668	15.918.053.321
- Nguyên giá	222		39.498.205.663	36.840.590.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.931.505.995)	(20.922.537.204)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	85.122.167.941	85.430.733.949
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.075.036.682)	(766.470.674)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		223.045.455	68.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	223.045.455	68.500.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		1.045.517.923.639	646.617.923.639
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11a	689.080.000.000	616.180.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11b	26.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11c	153.000.000.000	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11d	177.437.923.639	30.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		8.746.810.074	1.121.458.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	8.746.810.074	1.121.458.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.185.248.485.764	1.473.105.314.747

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.182.425.320.389	612.967.431.242
I. Nợ ngắn hạn	310		899.425.320.389	562.967.431.242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	14.632.996.046	22.776.959.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	78.917.339.505	12.053.514.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.286.624.990	12.578.348.844
4. Phải trả người lao động	314		4.087.344.645	11.690.969.904
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.611.996.978	6.114.130.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	18.829.895.702	68.768.265.798
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	774.336.544.068	427.271.396.034
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	722.578.455	1.713.846.454
II. Nợ dài hạn	330		283.000.000.000	50.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	33.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	250.000.000.000	50.000.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	1.002.823.165.375	860.137.883.505
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.002.823.165.375	860.137.883.505
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		893.964.630.000	760.175.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		893.964.630.000	760.175.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.701.668.575	96.809.981.705
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.029.541.705	12.292.735.471
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		85.672.126.870	84.517.246.234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.185.248.485.764	1.473.105.314.747

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	831.982.701.779	1.028.343.209.784	3.063.911.032.661	2.366.103.146.779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		39.810.822.591	15.678.035.168	102.802.326.681	19.559.853.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		792.171.879.188	1.012.665.174.616	2.961.108.705.980	2.346.543.293.429
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	745.063.679.540	927.081.215.778	2.790.408.254.487	2.127.563.282.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.108.199.648	85.583.958.838	170.700.451.493	218.980.011.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	20.851.719.539	4.254.621.979	108.492.505.531	38.773.298.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	16.534.831.203	8.121.962.385	55.633.787.982	19.946.416.551
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.498.448.553	8.121.962.385	55.597.405.332	19.946.416.551
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	40.022.334.644	33.823.073.655	115.399.095.397	96.168.525.607
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	7.370.551.189	18.058.166.664	30.717.124.841	50.587.358.449
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.032.202.151	29.835.378.113	77.442.948.804	91.051.009.441
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.964.898.137	1.577.974.723	9.193.228.400	5.570.356.858
12. Chi phí khác	32	VI.08	97.312.110	2.660.428	223.017.859	57.902.119
13. Lợi nhuận khác	40		1.867.586.027	1.575.314.295	8.970.210.541	5.512.454.739
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.899.788.178	31.410.692.408	86.413.159.345	96.563.464.180
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	7.954.354.346	741.032.475	12.046.217.946
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.899.788.178	23.456.338.062	85.672.126.870	84.517.246.234

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	86.413.159.345	96.563.464.180
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.210.493.350	2.907.186.939
Các khoản dự phòng	03	(3.570.151.900)	3.570.151.900
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(109.572.134.034)	(39.339.388.845)
Chi phí lãi vay	06	55.597.405.332	19.946.416.551
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.078.772.093	83.647.830.725
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(171.446.371.072)	(124.578.615.974)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(53.590.729.806)	(130.865.039.867)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.081.373.433	75.392.254.634
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(3.360.132.515)	(4.499.750.787)
Tiền lãi vay đã trả	14	(55.989.584.182)	(18.951.776.527)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.046.217.946)	(1.102.359.556)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(991.267.999)	(536.212.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(229.264.157.994)	(121.493.670.002)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.890.768.776)	(11.827.473.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	2.265.454.545	2.427.272.728
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(398.900.000.000)	(107.437.923.639)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.860.547.980	14.820.654.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(367.664.766.251)	(102.017.469.701)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	57.013.155.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.915.867.334.630	1.960.278.085.832
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.368.802.186.596)	(1.727.816.990.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	604.078.303.034	232.461.095.372
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.149.378.789	8.949.955.669
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.849.462.837	11.899.507.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.998.841.626	20.849.462.837

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Đăng Hoàng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Lê Thị Phú
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 27/10/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 893.964.630.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 31/12/2023: 893.964.630.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thanh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.
- Danh sách công ty con tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	số 216, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	70,20%	99,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	100,00%	95,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Dầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)... Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao/TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ phải nộp các khoản thuế khác theo các quy định và hướng dẫn về các loại thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế. Công ty sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán để tạm tính nghĩa vụ thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	764.154.615	308.000.846
Tiền gửi ngân hàng	27.234.687.011	20.541.461.991
Cộng	27.998.841.626	20.849.462.837
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% phải thu khách hàng)	118.486.883.628	115.136.032.629
- Công ty Cổ Phần Easy Car	137.073.771.705	-
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	32.036.058.022	37.388.535.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	4.914.322.146	5.374.322.146
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên (bên liên quan)	468.158.348	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	-	4.207.033.703
Cộng	292.979.193.849	162.105.923.478
3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	115.405.616.926	88.657.282.916
- Công ty Cổ phần Easy Car	-	6.797.826.627
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	3.891.594.386
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	100.000.000	-
- Các khách hàng ứng trước đến các nhà cung cấp khác	1.062.377.770	966.117.850
Cộng	116.567.994.696	100.312.821.779
b) Dài hạn		
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	16.200.000.000	16.200.000.000
Cộng	16.200.000.000	16.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
a) Ngắn hạn				
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	40.081.992.537		16.757.405.640	
- Phải thu vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000		13.781.000.000	
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	1.902.600.000		7.182.964.000	
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	4.285.413.068		6.502.841.661	
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	41.622.126.909		13.302.505.853	
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	569.149.500		569.149.500	
- Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Di An - Bình Dương (bên liên quan)	1.768.974.686		339.500.000	
- Phải thu khác Công ty Cổ phần DAF Group	8.091.561.644		1.100.000.000	
- Phải thu khác Công ty TNHH Minh Long	8.717.666.720		11.090.519.660	
- Phải thu khác Công ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	-		1.496.000.000	
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.547.025.167		588.849.000	
- Ký quỹ ngắn hạn cho Công ty TNHH Minh Long cải tạo nhà xưởng	65.160.000.000		65.160.000.000	
- Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	26.020.000.000		75.502.007	
- Các khoản phải thu khác	26.902.168.671		6.321.978.203	
Cộng	240.873.268.902		144.268.215.524	
b) Dài hạn				
- Ký quỹ 20 năm thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	72.000.000.000		72.000.000.000	
- Phải thu dài hạn khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	2.000.000.000		2.000.000.000	
- Ký quỹ dài hạn khác	4.659.903.073		3.585.053.073	
Cộng	78.659.903.073		77.585.053.073	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	92.698.139	-	91.782.591	-
- Hàng tồn kho ở kho Bà Rịa	-	-	47.032.360	-
Cộng	92.698.139	-	138.814.951	-
6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	79.216.204	-	996.051	-
- Chi phí sản xuất dở dang	4.413.372.690	-	5.386.438.621	-
- Hàng hóa (6.1)	237.733.572.785	-	183.247.997.201	-
Cộng	242.226.161.679	-	188.635.431.873	-
(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe mới các loại			200.822.243.945	136.892.470.717
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh			25.576.120.084	33.974.172.640
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu			3.953.606.709	4.023.603.938
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa			7.381.602.047	8.357.749.906
Cộng			237.733.572.785	183.247.997.201



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	212.213.365	576.716.275		
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển	-	3.429.000.000		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.749.109.926	2.220.825.994		
Cộng	1.961.323.291	6.226.542.269		
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.500.528.890	530.474.268		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	6.246.281.184	590.984.313		
Cộng	8.746.810.074	1.121.458.581		
8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	240.000.000	-	8.779.688.456
Máy móc, thiết bị	9.071.987.868	858.820.000	-	9.930.807.868
Phương tiện vận tải	18.307.845.456	4.594.297.273	3.078.608.183	19.823.534.546
Thiết bị, dụng cụ quản lý	921.068.745	43.106.048	-	964.174.793
Cộng	36.840.590.525	5.736.223.321	3.078.608.183	39.498.205.663
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.365.742.000	193.946.455	-	8.559.688.455
Máy móc, thiết bị	6.727.832.484	454.962.687	-	7.182.795.171
Phương tiện vận tải	5.224.555.784	3.029.854.640	1.892.958.551	6.361.451.873
Thiết bị, dụng cụ quản lý	604.406.936	223.163.560	-	827.570.496
Cộng	20.922.537.204	3.901.927.342	1.892.958.551	22.931.505.995
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	173.946.456			220.000.001
Máy móc, thiết bị	2.344.155.384			2.748.012.697
Phương tiện vận tải	13.083.289.672			13.462.082.673
Thiết bị, dụng cụ quản lý	316.661.809			136.604.297
Cộng	15.918.053.321			16.566.699.668

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.385.744.798 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	2.174.730.000	-	-	2.174.730.000
Cộng	86.197.204.623	-	-	86.197.204.623
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	766.470.674	308.566.008	-	1.075.036.682
Cộng	766.470.674	308.566.008	-	1.075.036.682
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	1.408.259.326			1.099.693.318
Cộng	85.430.733.949			85.122.167.941

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 491.585.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
- Chi phí khảo sát công trình trên đất Nguyễn Xi	154.545.455	-
Cộng	223.045.455	68.500.000

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Công ty con	689.080.000.000	689.080.000.000	-	616.180.000.000	616.180.000.000	-
b) Công ty liên kết	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-	-	-
c) Góp vốn vào đơn vị khác	153.000.000.000	153.000.000.000	-	-	-	-
d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.437.923.639	177.437.923.639	-	30.437.923.639	30.437.923.639	-
Cộng	1.045.517.923.639	1.045.517.923.639	-	646.617.923.639	646.617.923.639	-

	Số lượng cổ phần đăng ký nắm giữ	Tỷ lệ đăng ký vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2023
a) Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	6.700.000	98,53%	98,53%	67.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	6.240.000	52,00%	52,00%	90.400.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	22.200.000	96,52%	96,52%	327.680.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	10.800.000	90,00%	90,00%	108.000.000.000
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	5.700.000	95,00%	95,00%	57.000.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (*)	1.950.000	39,00%	99,00%	39.000.000.000
Cộng				689.080.000.000
b) Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	2.600.000	20,00%	20,00%	26.000.000.000
Cộng				26.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Dasonmotors	160.200.000	15,00%	15,00%	153.000.000.000
Cộng				153.000.000.000

(*) Công ty Cổ phần City Auto nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên tương ứng 39% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,2%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,2%.

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 60%.

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Đức Hòa	(11.1)	30.437.923.639	30.437.923.639
Công ty Cổ phần Daf Group	(11.2)	147.000.000.000	-
Cộng		177.437.923.639	30.437.923.639

(11.1) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.2) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐHTKD/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	5.260.540.194	5.260.540.194	17.838.123.371	17.838.123.371
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	4.114.000	4.114.000	-	-
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	8.600.000	8.600.000	-	-
- Công Ty Cổ Phần Easy Car	2.639.874.035	2.639.874.035	-	-
- Các đối tượng khác	6.719.867.817	6.719.867.817	4.938.835.910	4.938.835.910
Cộng	14.632.996.046	14.632.996.046	22.776.959.281	22.776.959.281

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô			14.728.645.394	-
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu			56.995.000.000	-
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)			7.193.694.111	12.053.514.063
Cộng			78.917.339.505	12.053.514.063

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
a) Phải nộp						
- Thuế GTGT phải nộp	189.418.729	308.352.411.907	308.356.879.058	184.951.578		
- Thuế TNDN	12.046.217.946	741.032.475	12.046.217.946	741.032.475		
- Thuế TNCN	342.712.169	1.527.486.271	1.509.557.503	360.640.937		
- Thuế khác	-	122.065.582	122.065.582	-		
Cộng	12.578.348.844	310.742.996.235	322.034.720.089	1.286.624.990		
b) Phải thu						
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.196.531.373	300.758.081.219	300.442.158.860	11.512.453.732		
Cộng	11.196.531.373	300.758.081.219	300.442.158.860	11.512.453.732		

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Trích trước chi phí trả cho Công ty Ford Việt Nam			1.236.129.763	717.479.505
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu			873.972.475	1.266.151.325
- Chi phí phải trả khác			4.501.894.740	4.130.500.034
Cộng			6.611.996.978	6.114.130.864

16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp			-	2.513.500
- Kinh phí công đoàn			-	1.027.690.426
- Tài sản thừa chờ xử lý			606.145.005	525.963.313
- Phải trả Công ty CP Auto Tân Thuận			1.000.000.000	25.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Auto Bình Phước			10.459.260.939	21.637.790.939
- Phải trả Công ty CP Trader Vũng Tàu			-	11.500.000.000
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng			3.367.210.470	4.322.940.054
- Phải trả Công ty CP Trident Auto			-	1.801.665.765
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát			264.000.000	264.000.000
- Phải trả cổ tức			9.065.000	9.065.000
- Các khoản phải trả khác			3.124.214.288	2.676.636.801
Cộng			18.829.895.702	68.768.265.798

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Dài hạn

- Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	33.000.000.000	-
Cộng	33.000.000.000	-

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
(a) Ngắn hạn	427.271.396.034	2.665.867.334.630	2.368.802.186.596	774.336.544.068
- NH Ngoại thương (17.1)	104.889.880.000	562.263.824.000	476.198.312.000	190.955.392.000
- NH Bảo Việt	12.410.459.000	-	12.410.459.000	-
- NH Đầu tư và Phát triển (17.2)	131.927.241.000	637.949.331.000	590.116.949.000	179.759.623.000
- NH Indovina	100.000.000.000	142.347.200.000	242.347.200.000	-
- NH HSBC (17.3)	78.043.816.034	595.491.603.130	590.149.097.596	83.386.321.568
- NH Quốc tế (17.4)	-	292.946.568.000	210.998.934.500	81.947.633.500
- NH Việt Nam Thịnh Vượng (17.5)	-	120.991.728.500	97.385.234.500	23.606.494.000
- NH Bangkok đại chúng TNHH (17.6)	-	260.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
- NH TMCP Đông Nam Á - SeABank (17.7)	-	53.877.080.000	19.196.000.000	34.681.080.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	50.000.000.000
(b) Dài hạn	50.000.000.000	250.000.000.000	-	250.000.000.000
- Trái phiếu phát hành (17.8)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
- NH Tiên Phong (17.9)	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(50.000.000.000)
Cộng	477.271.396.034	2.915.867.334.630	2.368.802.186.596	1.024.336.544.068

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0648/KHDN/22/HMCV ngày 30/12/2022 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2023/11402179/HĐTD ngày 27/7/2023 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 165993 ngày 13/9/2022 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2756712.23 ngày 26/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 369/2022/HDHM/CMB-CITYAUTO ngày 19/12/2022 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 13/2023/HĐTD-HM/TTKD ngày 15/8/2023 với hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

(17.8) Trái phiếu thường không chiết khấu: Công ty đã phát hành 500 trái phiếu thường với mã trái phiếu CTFH2224001, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu với tổng mệnh giá là 50 tỷ đồng, kỳ hạn 18 tháng, ngày đáo hạn: 03/5/2024, lãi suất trái phiếu cố định 11%/năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu nợ, chi tiết theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 03/11/2022. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.573.193 cổ phiếu mã CTF của Công ty CP City Auto chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 66/HĐ-CTF/2022 ngày 21/10/2022 giữa Ông Nguyễn Văn Thành (đại diện các bên thế chấp) và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty CP City Auto.

(17.9) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HĐTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

	Năm 2023	Năm 2022
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	1.713.846.454	2.250.059.104
Giảm do chi quỹ	(991.267.999)	(279.832.000)
Số dư cuối kỳ	722.578.455	1.970.227.104

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2022	Tăng	Giảm	31/12/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu	723.977.760.000	36.197.660.000	-	760.175.420.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	48.490.395.471	84.517.246.234	36.197.660.000	96.809.981.705
Cộng	775.620.637.271	120.714.906.234	36.197.660.000	860.137.883.505
	01/01/2023	Tăng	Giảm	31/12/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	133.789.210.000	-	893.964.630.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	19.004.385.000	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	96.809.981.705	85.672.126.870	95.780.440.000	86.701.668.575
Cộng	860.137.883.505	238.465.721.870	95.780.440.000	1.002.823.165.375

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	96.809.981.705	48.490.395.471
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	85.672.126.870	84.517.246.234
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	-	(36.197.660.000)
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	(95.780.440.000)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	86.701.668.575	96.809.981.705

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 17 ngày 27/10/2023 là 893.964.630.000 đồng tương đương 89.396.463 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.396.463	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.396.463	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	76.017.542
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.396.463	76.017.542
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	76.017.542
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	785.044.210.278	980.715.074.834
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.938.491.501	47.628.134.950
Cộng	831.982.701.779	1.028.343.209.784
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	39.810.822.591	15.678.035.168
Cộng doanh thu thuần	792.171.879.188	1.012.665.174.616
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	738.295.810.291	961.826.097.358
Doanh thu bán phụ tùng	6.939.266.396	3.210.942.308
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.417.991.882	45.335.679.894
Doanh thu khác	1.518.810.619	2.292.455.056
Cộng	792.171.879.188	1.012.665.174.616
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Giá vốn xe đã bán	712.593.649.042	897.817.116.126
- Giá vốn hàng hóa đã bán	4.957.002.141	2.199.767.898
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	27.513.028.357	26.644.331.754
- Giá vốn khác	-	420.000.000
Cộng	745.063.679.540	927.081.215.778
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.163.871	10.108.501
- Lãi từ khoản ký quỹ/(hoàn nhập)	7.758.402.308	4.244.513.478
- Lãi từ đầu tư	13.089.153.360	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	-
Cộng	20.851.719.539	4.254.621.979

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí hoạt động tài chính	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	16.498.448.553	8.121.962.385
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	36.382.650	-
Cộng	16.534.831.203	8.121.962.385
5. Chi phí bán hàng	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Chi phí nhân viên	12.009.364.911	16.265.752.880
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.040.238.018	734.949.703
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.402.048.515	1.008.426.795
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	4.401.040.063	8.879.058.170
- Chi phí bằng tiền khác	21.169.643.137	6.934.886.107
Cộng	40.022.334.644	33.823.073.655
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	3.412.603.307	6.273.533.350
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	99.410.682	307.777.111
- Chi phí khấu hao TSCĐ	115.838.640	123.092.584
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	3.570.151.900
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.307.605.358	6.814.677.952
- Chi phí bằng tiền khác	435.093.202	968.933.767
Cộng	7.370.551.189	18.058.166.664
7. Thu nhập khác	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	714.350.368	-
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam và khác	1.250.547.769	1.577.974.723
Cộng	1.964.898.137	1.577.974.723
8. Chi phí khác	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Chi phí khác	97.312.110	2.660.428
Cộng	97.312.110	2.660.428
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.899.788.178	31.410.692.408
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	2.154.542.526
Trừ/Cộng: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(13.155.240.239)	6.206.536.797
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	(7.255.452.061)	39.771.771.731
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	-	7.954.354.346
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý IV năm 2023	Quý IV năm 2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	745.063.679.540	927.081.215.778
- Chi phí nhân công	15.421.968.218	22.539.286.230
- Chi phí khấu hao	1.156.076.658	858.042.287
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.709.653.873	7.823.104.747
- Chi phí khác	26.105.187.084	20.660.807.055
Cộng	792.456.565.373	978.962.456.097

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Bên liên quan
Công Ty Cổ phần Dasonmotors	Bên liên quan
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong quý này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Bán hàng hóa	21.286.609.090
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-
		Cổ tức được chia	-
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	95.887.638.916
		Mua hàng hóa, dịch vụ	92.124.856.418
		Cổ tức được chia	-
		Doanh thu tài chính	50.410.961
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-
		Cổ tức được chia	-
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Bán hàng hóa	2.767.996.364
		Mua hàng hóa	762.509.091
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Bán hàng hóa	42.446.668
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Mua hàng hóa, dịch vụ	14.198.911.907
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.058.149.636
		Mua hàng hóa	10.707.181.817
		Doanh thu tài chính	785.060.987
		Nhận cung cấp dịch vụ	582.197.565

Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Nội dung	Số tiền
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT/ Cố vấn điều hành	Thù lao	60.000.000
		Tiền lương	81.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	96.076.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ban Kiểm soát			
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	Thù lao	9.000.000
Ông Bùi Duy Văn	Thành viên	Thù lao	9.000.000

Số dư phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Trả trước người bán	16.200.000.000
		Phải thu khách hàng	32.036.058.022
		Phải thu khác	43.622.126.909
		Phải trả người bán	4.114.000
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.914.322.146
		Phải thu khác	4.285.413.068
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Phải thu khác	1.902.600.000
		Phải thu khác	569.149.500
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Phải trả người bán	8.600.000
		Phải trả khác	1.000.000.000
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Phải thu khách hàng	468.158.348
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con	Người mua trả tiền trước	56.995.000.000
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Bên liên quan	Phải thu khác	1.768.974.686
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Phải trả khác	10.459.260.939
		Người mua trả tiền trước	14.728.645.394
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Trả trước người bán	100.000.000
		Chi phí phải trả	111.112.361

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Lê Thị Phú
Kế toán trưởngTrương Thị Hồng Vân
Người lập biểu